

PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỦY AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	14	2,12m ² /học sinh
II	Loại phòng học	14	-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	01	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10.961 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.215 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	804 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	79,2 m ²	
3	Diện tích phòng Mỹ thuật (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục Âm nhạc (m ²)	61,6 m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	61,6 m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	61,6 m ²	
	Diện tích phòng học KH- CN (m ²)	48 m ²	
	Diện tích phòng học Đa chức năng (m ²)	48 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	53,2 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	12 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²)	48 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1		24 bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 2		0
1.3	Khối lớp 3		0
1.4	Khối lớp 4		0

1.5	Khối lớp 5		0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		0
2.2	Khối lớp 2		27 bộ/ lớp
2.3	Khối lớp 3		35 bộ/ lớp
2.4	Khối lớp 4		35 bộ/ lớp
2.5	Khối lớp 5		31 bộ/ lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		379 HS/28 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		01
2	Cát xét		0
3	Đầu Video/đầu đĩa		0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		06
5	Thiết bị khác...		0
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	04 phòng: 236 m ²	140	: 1,69 m ² / chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,2 m ² /học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Đông Triều, ngày 06 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
TIỂU HỌC
THỦY AN

Trần Thị Hạnh